

PHỤ LỤC SỐ 4

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG HÀNG NĂM CỦA DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về công bố thông tin hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu)

UBND TỈNH AN GIANG
CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẮP AG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 348 /XL

An Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2015

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Xây Lắp An Giang

Năm báo cáo: 2013; 2014; 6 tháng 2015.

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Những sự kiện quan trọng

- Việc thành lập: Công ty TNHH MTV Xây Lắp An Giang được thành lập ngày 10/01/1977, tiền thân là Đội thi công công trình xây dựng thuộc Ty Xây dựng cơ bản tỉnh An Giang, với chức năng thi công xây lắp. Đến năm 1992 UBND tỉnh An Giang quyết định tái thành lập thành Công ty Xây Lắp & SXKD VLXD An Giang. Năm 1999 UBND tỉnh An Giang đổi tên thành Công ty Xây Lắp An Giang. Năm 2010 UBND tỉnh An Giang đổi tên thành Công ty TNHH MTV Xây Lắp An Giang, hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước.

- Vốn điều lệ: 140 tỷ đồng.

- Các sự kiện khác:

2. Quá trình phát triển

- Chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp.

- Mục tiêu kinh doanh:

- Ngành, nghề kinh doanh chính: Thi công xây dựng công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, cấp thoát nước, công trình thủy lợi; tư vấn thiết kế xây dựng, lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư xây dựng, thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế quy hoạch đô thị; san lấp mặt bằng; đóng mới, sửa chữa sà lan, tàu kéo, cầu kiện bằng thép; sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng: xi măng PCB 40, PCB 50, gạch men, gạch ngói tunnel các loại, gạch không nung, bê tông thương phẩm, bê tông nhựa nóng, cống bê tông; sản xuất, kinh doanh bao PP các loại; kinh doanh xăng dầu; kinh doanh sắt, thép, vỏ xe, vòng bi; dịch vụ vận tải thủy; khai thác khoáng sản.

- Quy chế hoạt động (theo Quyết định 1466/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Điều lệ Công ty TNHH MTV Xây lắp An Giang).

3. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp.

- Tóm tắt những nội dung chính về chiến lược phát triển trung và dài hạn.

➤ Về nhân lực:



+ Tiếp tục nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, trình độ chuyên môn, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng bán hàng, phẩm chất đạo đức và văn hóa trong kinh doanh.

+ Đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa, lực lượng lao động có chuyên môn; công nhân có trình độ và tay nghề cao đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

+ Không ngừng hoàn thiện nhân cách, tác phong của từng nhân viên để ngày càng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

➤ **Về công nghệ:**

+ Đầu tư đổi mới công nghệ hiện đại để nâng công suất, nâng chất lượng sản phẩm, nâng cao giá trị lợi ích mà khách hàng đạt được; đa dạng hoá sản phẩm nhằm đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng và nhu cầu thị trường đòi hỏi ngày càng cao.

+ Sử dụng cơ giới hoá và tự động hóa trong sản xuất..

+ Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành doanh nghiệp.

➤ **Về đầu tư :**

+ Hoàn thiện Dự án Nhà ở Xã hội.

+ Dự án chỉnh trang đô thị đường Lý Thái Tổ nối dài và Khu dân cư Xẻo Trôm 3.

+ Đầu tư Nhà máy gạch men Porcelain mài bóng.

+ Mở rộng nâng công suất Nhà Máy xi măng An Giang.

+ Đầu tư dây chuyền sản xuất gạch không nung thứ 2; Dây chuyền sản xuất bao PP.

I. BÁO CÁO CHUNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

(Đính kèm báo cáo giám sát tài chính – đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2013; 6 tháng năm 2014; năm 2014)

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của doanh nghiệp tại thời điểm cuối năm,...).

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính, lợi nhuận so với kế hoạch).

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới,...).

4. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

5. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...).

III. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

(Đính kèm báo cáo tài chính năm 2013, 2014, quý 2 năm 2015)

1. Về việc báo cáo tài chính

- Các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán doanh nghiệp phải tuân thủ.

- Tình hình kiểm toán nội bộ (có bộ phận kiểm toán hay không).

2. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập.

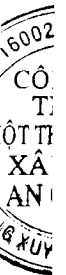
- Ý kiến kiểm toán độc lập.

- Các nhận xét đặc biệt.

3. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ.

- Các nhận xét đặc biệt.



BIỂU SỐ 1: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

(Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC)

IV. CÁC CÔNG TY CON DO DOANH NGHIỆP NẮM TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ

- Danh sách các công ty do doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ.
- Tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này.
- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này.

BIỂU SỐ 2: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CON NẮM TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)
1	Các công ty con do Doanh nghiệp nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2)			
2	Các công ty con do Doanh nghiệp nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (cấp 2)			

V. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (đối với doanh nghiệp không có Hội đồng thành viên)

- Thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và các cán bộ chủ chốt: Danh sách thành viên (thành viên độc lập, thành viên điều hành, thành viên chuyên trách, không chuyên trách, chức danh tại công ty khác do doanh nghiệp nắm giữ); nhân thân, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý đã nắm giữ, cách thức bổ nhiệm, công việc quản lý được giao.

- Hoạt động của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và đánh giá hoạt động của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (Các quyết định, nghị quyết lớn của Hội đồng quản trị/ Ban Giám đốc trong kỳ ảnh hưởng đến doanh nghiệp như các Quyết định/Nghị quyết liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, mua sắm tài sản, ... Nêu số Quyết định/ Nghị quyết và tóm tắt nội dung Quyết định/Nghị quyết).

BIỂU SỐ 3: THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

STT	Họ và tên	Chức danh		Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ
		Chức danh tại doanh nghiệp	Chức danh tại công ty khác (nếu có)			
I. Hội đồng thành viên (Chủ tịch công ty)	Phan Văn Nhân	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc		Kỹ sư Cơ khí	30 năm	- Giám đốc đơn vị trực thuộc. - Phó Tổng giám đốc Công ty.
II. TGD hoặc GD						
III. Phó TGD hoặc PGD	Trần Văn Lắm	Phó Tổng giám đốc		Ths. Quản trị kinh doanh	24 năm	- Giám đốc đơn vị trực thuộc.
	Quách Trọng Dung	Phó Tổng giám đốc		Cử nhân Kinh tế	29 năm	- Giám đốc đơn vị trực thuộc.
	Lý Thanh Tâm	Phó Tổng giám đốc		Kỹ sư Cơ khí	29 năm	- Giám đốc đơn vị trực thuộc.
IV. Kế toán trưởng	Đặng Tuyết Giang	Kế toán trưởng		Cử nhân Kinh tế	18 năm	- Phó phòng Kế toán

2. Ban kiểm soát/Kiểm soát viên

Ban kiểm soát Công ty gồm 2 thành viên:

- 1/ Nguyễn Công Thành - Kiểm soát viên chuyên trách
- 2/ Vương Đại Dương - Kiểm soát viên kiêm nhiệm

3. Thù lao và lợi ích của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Phó giám đốc.

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TIỀN LƯƠNG	GHI CHÚ
1	Phan Văn Nhân	Chủ tịch kiêm Tổng GD	486.000.000	
2	Bùi Quang Tiến	Phó Tổng GD	184.000.000	Nghỉ hưu tháng 9/2014
3	Lê Chơn Tâm	Phó Tổng GD	184.000.000	Nghỉ hưu tháng 9/2014
4	Trần Văn Lắm	Phó Tổng GD	414.000.000	
5	Quách Trọng Dung	Phó Tổng GD	34.500.000	Bỏ nhiệm tháng 12/2014
6	Lý Thanh Tâm	Phó Tổng GD	34.500.000	Bỏ nhiệm tháng 12/2014
7	Đặng Tuyết Giang	Kế toán trưởng	378.000.000	
8	Nguyễn Công Thành	KSV chuyên trách	414.000.000	
9	Vương Đại Dương	KSV kiêm nhiệm	82.800.000	

4. Các chính sách bảo đảm trách nhiệm của đội ngũ quản lý

- Liệt kê các nguyên tắc về đạo đức của doanh nghiệp (nếu có).
- Liệt kê các chính sách khác của doanh nghiệp để bảo đảm đạo đức và trách nhiệm của đội ngũ quản lý (nếu có).

5. Về quản lý rủi ro

Hướng dẫn về quản trị rủi ro của doanh nghiệp (mô tả tóm tắt nếu có).

6. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp

Mô tả chính sách tiền lương, tiền thưởng.

BIỂU SỐ 4: BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
(1)	(2)	(3)	4	5	(6)	(7)	(8)
I	Hạng công ty được xếp		I	I	I	I	I
II	Tiền lương của lao động						
1	Lao động	Người	1.160	1.059	1.089	1.059	1.100
2	Mức tiền lương bình quân	1.000đ/tháng	5.216	5.487	5.423	6.543	5.934
3	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	72.610	69.727	70.869	83.154	78.324
4	Quỹ tiền lương	Tr.đồng					
5	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr.đồng		8.188		10.755	
6	Thu nhập bình quân	1.000đ/tháng	5.216	6.131	5.423	7.389	5.934
III	Tiền lương của người quản lý						
1	Số người quản lý doanh nghiệp	Người	6	5	6	6	6
2	Mức lương cơ bản bình quân	Tr. đồng/tháng	18,901	23,400	23,333	23,333	23,333
3	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	2.368	1.922	1.680	2.129	1.680
4	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/tháng	32,889	32,033	23,333	29,569	23,333
5	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng		237		266	
6	Tiền thưởng, thu nhập	Tr.đồng					
7	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý	Tr.đồng/tháng	32,889	35,992	23,333	33,263	23,333

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (nếu có)./.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Văn Nhân